|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN Số: /BC-BNN-PC | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2018* |

# **BÁO CÁO**

**DỰ THẢO**

**V/v thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành**

**và điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý**

**của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 174/TTg – KSTT ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo kết quả thực hiện như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

- Ngày 07/3/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành công văn số 1880/BNN-PC gửi các đơn vị thuộc Bộ về việc triển khai nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành. Theo đó, yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ phải nghiêm túc thực hiện đảm bảo cắt giảm 50% hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành của Bộ; cắt giảm, đơn giản hóa 50% số thủ tục hành chính; cắt giảm, sửa đổi 50% điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Bộ đã tổ chức các cuộc họp với các đơn vị có liên quan để thảo luận và thống nhất cách thức kiểm tra chuyên ngành (KTCN) đối với các nhóm hàng chịu sự kiểm tra của nhiều đơn vị;

- Bộ cũng đã tổ chức đoàn công tác tại Hải Phòng (làm việc với Chi cục Thú y vùng 2 và Chi cục kiểm dịch thực vật vùng 1) để khảo sát việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu.

- Kết quả rà soát, đề xuất phương án cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa, sản phẩm, thủ tục kiểm tra chuyên ngành và điều kiện đầu tư kinh doanh đã được gửi xin ý kiến của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan (Công văn số /BNN-PC ngày tháng 4 năm 2018)

- Về việc rà soát, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ (Quyết định số 701/QĐ-BNN-PC ngày 28/02/2018), tiến hành họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức hội thảo lấy ý kiến doanh nghiệp đối với danh mục rà soát điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương (Công văn số 2873/BNN-PC ngày 16/4/2018) cũng như đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ để lấy ý kiến đối với dự thảo (Công văn số 2786/BNN-PC ngày 12/4/2018).

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**1. Về rà soát, cắt giảm hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành của Bộ**

Theo Báo cáo số 70/BC-TCTTTg ngày 01/3/2018 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 7.698 dòng hàng thuộc 251 [[1]](#footnote-1)nhóm sản phẩm hàng hóa phải KTCN. Cần cắt giảm 125 nhóm sản phẩm hàng hóa theo Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ.

*Kết quả rà soát, thực hiện việc cắt giảm mặt hàng kiểm tra chuyên ngành như sau*:

- Sau khi rà soát các văn bản quy phạm pháp luật như Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Thông tư 28/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thay thế Thông tư 50/2009/TT-BNNPTNT; Thông tư số 50/2010/TT-BNNPTNT; Thông tư số 44/2011/TT-BNNPTNT); Thông tư 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 ban hành bãng mã HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn …hiện nhóm mặt hàng phải KTCN thuộc phạm vi quản lý của Bộ còn **118** nhóm sản phẩm hàng hóa *(thống kê chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).*

Tất cả hàng hóa KTCN thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ đều có mã HS (với tổng số 7.698 dòng hàng, quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BNNPTNT).

- Danh mục sản phẩm, hàng hóa đề xuất loại khỏi Danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 152 [[2]](#footnote-2)sản phẩm, hàng hóa (chiếm tỉ lệ: 60,6 %) *(xin xem Phụ lục 2 kèm theo).*

**2. Về nhóm hàng hóa chịu sự kiểm tra của nhiều cơ quan, đơn vị**

*a) Về nhóm hàng hóa chịu sự kiểm tra chuyên ngành của nhiều Bộ:*

Bộ đã có Công văn số 9910/BNN-PC ngày 29/11/2017 gửi Văn phòng Chính phủ đề xuất cơ quan kiểm tra chuyên ngành đối với 07 loại hàng hóa đang chịu sự kiểm tra chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và PTNT với một số Bộ khác.

*b) Về nhóm hàng hóa chịu sự kiểm tra chuyên ngành của nhiều đơn vị của Bộ. Có 06 nhóm hàng, cụ thể:*

(1) Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật: Chịu sự kiểm tra của Cục Chăn nuôi (kiểm tra chất lượng) và Cục Thú y (kiểm dịch).

(2) Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật: Chịu sự kiểm tra của Cục Chăn nuôi (kiểm tra chất lượng) và Cục Bảo vệ thực vật (kiểm dịch).

(3) Nguyên liệu thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật: Chịu sự kiểm tra của Tổng cục Thủy sản (kiểm tra chất lượng) và Cục Thú y (kiểm dịch).

(4) Nguyên liệu thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật: Chịu sự kiểm tra của Tổng cục Thủy sản (kiểm tra chất lượng) và Cục Bảo vệ thực vật (kiểm dịch).

(5) Giống Thủy sản: Chịu sự kiểm tra của Tổng cục Thủy sản (kiểm tra chất lượng) và Cục Thú y (kiểm dịch)..

(6) Kén tằm, côn trùng: Chịu sự kiểm dịch của Cục Bảo vệ thực vật và Cục Thú y.

Đối với nhóm “Kén tằm”, “côn trùng” Bộ đã thống nhất giao Cục Bảo vệ thực vật thực hiện việc kiểm dịch.

Đối với 5 nhóm hàng còn lại, Bộ thống nhất chỉ một đơn vị có trách nhiệm đầu mối thực hiện kiểm tra chất lượng và kiểm dịch. Thời gian hoàn thành trước tháng 10/2018.

**3. Về sản phẩm hàng hóa đề xuất chuyển đổi phương thức kiểm tra chuyên ngành**

*a) Đối với nhóm sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra an toàn thực phẩm:*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Cụ thể đã thay đổi cơ bản phương thức kiểm tra lô hàng khi nhập khẩu, đó là giảm tối đa số lô sản phẩm phải kiểm nghiệm. Theo đó, cơ quan hải quan chỉ kiểm tra hồ sơ, trừ trường hợp có cảnh báo và trường hợp sản phẩm ra thị trường mà phát hiện sai phạm thì sẽ áp dụng phương thức kiểm soát chặt. Việc chuyển từ phương thức kiểm tra chặt sang phương thức kiểm tra thông thường áp dụng sau sau 03 (ba) lần kiểm tra chặt đạt yêu cầu thực phẩm nhập khẩu hoặc khi có văn bản thông báo ngừng kiểm tra chặt. Phương thức kiểm tra giảm là kiểm tra hồ sơ tối đa 5% trên tổng số lô hàng nhập khẩu trong vòng 01 năm do cơ quan hải quan lựa chọn ngẫu nhiên. Như vậy, việc kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu đã khắc phục những tồn tại, tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp

*b) Đối với nhóm sản phẩm hàng hóa phải thực hiện kiểm dịch*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề xuất thay đổi phương thức kiểm tra chuyên ngành. Cụ thể:

Đối với thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô, sấy, ướp muối, ướp lạnh, đông lạnh, đóng hộp; bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật thực hiện giảm tần suất lấy mẫu 5 lô chỉ thực hiện kiểm tra 01 lô, đưa hàng về kho bảo quản.

Đối với sản phẩm động vật thủy sản ướp muối, sản phẩm đã qua xử lý (phơi khô, sấy khô, hun khói); sản phẩm động vật thủy sản ở dạng chế biến, đóng hộp, dầu cá; trứng tươi, trứng muối và các sản phẩm từ trứng động vật thủy sản thực hiện giảm tần suất lấy mẫu 5 lô chỉ thực hiện kiểm tra 01 lô, đưa hàng về kho bảo quản

Đối với nguyên liệu thuốc thú y và thuốc thú y thành phẩm (trừ vắc xin, kháng thể dùng trong thú y) thực hiện giảm tần suất lấy mẫu, cụ thể mỗi 05 lô hàng nhập khẩu liên tiếp do cùng một đơn vị nhập khẩu từ một cơ sở sản xuất, cơ quan kiểm tra ngẫu nhiên lấy mẫu 01 lô và 01 mẫu cho mỗi sản phẩm của lô.

Đối với thức ăn chăn nuôi nhập khẩu đã thực hiện thay đổi phương thức kiểm tra tại Nghị định số 39/2017/NĐ-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Cụ thể thực hiện miễn kiểm tra đối với 06 loại thức ăn chăn nuôi, thực hiện kiểm tra giảm, kiểm tra thông thường, kiểm tra chặt.

*(Chi tiết nhóm hàng hóa đề xuất thay đổi phương thức kiểm tra tại Phụ lục 3 kèm theo)*

**4. Về rà soát cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với hoạt động kiểm tra chuyên ngành**

Qua rà soát, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có **64** TTHC liên quan tới kiểm tra chuyên ngành. Cụ thể:

(1) Lĩnh vực kiểm dịch có **23** TTHC, (*gồm 19 TTHC về kiểm dịch động vật, 04 TTHC về kiểm dịch thực vật*);

(2) Lĩnh vực kiểm tra chất lượng hàng hóa có **30** TTHC (*gồm 2 TTHC về thuốc Bảo vệ thực vật, 02 TTHC về phân bón, 03 TTHC về thuốc thú y; 03 TTHC về giống cây trồng; 06 TTHC về giống thủy sản, 03 TTHC về tàu cá, 06 TTHC về thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; 04 TTHC về giống chăn nuôi; 01 TTHC về muối)*;

(3) Lĩnh vực kiểm tra an toàn thực phẩm có **11** TTHC (*gồm 07 TTHC về ATTP thủy sản; 2 TTHC về thực phẩm có nguồn gốc động vật; 02 TTHC về thực phẩm có nguồn gốc thực vật*).

Bộ đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa **35/64** TTHC, đạt 54,6%. Các TTHC đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tập trung vào các nội dung như: Đơn giản hóa, lược bỏ một số giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu thực hiện; Đơn giản hóa trình tự thực hiện; giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện gộp một số TTHC có liên quan chặt chẽ trong chuỗi trình tự thực hiện của cơ quan nhà nước nhằm giảm thời gian thực hiện các TTHC của tổ chức, cá nhân; tổ chức triển khai thực hiện TTHC trực tuyến mức độ 3,4, cơ chế 1 cửa quốc gia; Thay đổi phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm ở tất cả các thủ tục hành chính kiểm tra an toàn thực phẩm; thực hiện quản lý hàng hóa theo phương thức quản lý rủi ro; giảm tần suất lấy mẫu lô hàng.

*(xin xem Phụ lục 4 kèm theo)*

**5. Về rà soát cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh**

Theo quy định của Luật Đầu tư (đã được sửa đổi, bổ sung) và pháp luật hiện hành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện có **33** ngành nghề ĐTKD có điều kiện với **345** điều kiện kinh doanh. Các điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực nông nghiệp cơ bản đã được quy định tại các 05 Luật, 02 Pháp lệnh và 07 Nghị định.

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp tục rà soát các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Bộ đã tổ chức rà soát, đề xuất bãi bỏ, đơn giản theo hướng rút gọn **241/345** điều kiện, đạt 69,8 % (*xin xem Phụ lục 5 kèm theo*). Cụ thể:

- Có **172 điều kiện** về thức ăn chăn nuôi, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y, quản lý chất lượng, sản phẩm biến đổi gen, hiện đang được quy định tại 04 Nghị định *(Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y; Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm; Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản; Nghị định 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen).* Bộ đã tổ chức rà soát đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa **131/172** điều kiện đầu tư kinh doanh (gồm bãi bỏ 78 điều kiện, sửa đổi 53 điều kiện), đạt 76% trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, hiện đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành

**131** điều kiện đầu tư kinh doanh được đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa trong dự thảo Nghị định tập trung vào các điều kiện về nguồn nhân lực, địa điểm, các quy định điều kiện chung như theo quy định *về phòng cháy chữa cháy, về bảo vệ môi trường, theo quy định của pháp luật…* Việc cắt giảm, sửa đổi hoặc bãi bỏ điều kiện được thực hiện thực chất, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp thực hiện.

- Đối với các điều kiện đầu tư, kinh doanh còn lại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục rà soát cắt giảm và quy định tại các Luật và Nghị định hướng dẫn thi hành, cụ thể: đã cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh tại Luật Thủy sản; tiếp tục rà soát cắt giảm tại các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp (dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/01/2019); tại dự án Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi và các Nghị định hướng dẫn thi hành 02 Luật này.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Hội đồng TVCCTTHC của TTg;  - Tổ công tác của TTg;  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;  Tư pháp; Y tế; Công Thương;  - VCCI;  - Bộ trưởng (để báo cáo);  - Lưu VT, PC. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Hà Công Tuấn** |

1. 251 nhóm sản phẩm hàng hóa phải KTCN được tổng hợp như sau:

   + Hàng hòa thuộc diện kiểm dịch (theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT, Thông tư 30/2014/TT-BNNPTNT) là **53** nhóm sản phẩm.

   + Hàng hóa thuộc diện kiểm tra chất lượng (theo Thông tư 50/2009/TT-BNNPTNT, Thông tư 50/2012/TT-BNNPTNT Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT(bao gồm cả nhóm mặt hàng là thức ăn thủy sản)) là **104** nhóm sản phẩm.

   + Hàng hóa phải kiểm tra an toàn thực phẩm theo Quyết định 4069/QĐ-BNN ngày 14/10/2015 về việc công bố danh mục hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT là **94** nhóm sản phẩm.

   *(Cách tổng hợp chỉ mang tính tương đối vì có một số nhóm mặt hàng vừa thực hiện kiểm dịch, vừa KTCL, hoặc vừa Kiểm tra chất lượng vừa KTATTP hoặc cả ba hình thức kiểm tra)* [↑](#footnote-ref-1)
2. Nhóm kiểm dịch: lược bỏ 37 sản phẩm, hàng hóa/53 nhóm hàng hóa phải kiểm dịch.

   Nhóm KTCL: lược bỏ (bỏ không kiểm tra hoặc gộp vào nhóm hàng khác): 87/104 nhóm hàng hóa phải KTCL.

   Nhóm KTATTP: lược bỏ (chủ yếu là gộp vào nhóm mặt hàng khác hoặc trùng mặt hàng KT): 44/94 nhóm hàng hóa phải kiểm tra. [↑](#footnote-ref-2)